TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/DS-PT
Ngày: 28 - 5 - 2019
Về việc " Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thế Phương;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Xuân Đào;

Ông Vũ Hồng Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 192/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Đình A**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp B xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Bị đơn - ông Nguyễn Đình A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn - bà Đỗ Thị H trình bày:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày: Khoảng tháng 6 năm 2017, ông Nguyễn Đình A đã hai lần đập gãy trụ hàng rào lưới B40 của bà, đoạn dọc theo đường đi vào nhà ông Nguyễn Đình A gây thiệt hại gồm: Gãy 8 trụ bê tông trị giá 480.000 đồng; 30 kg lưới B40 trị giá 525.000 đồng; công sửa chữa 07 công trị giá 1.750.000 đồng; tiền thuê xe chở vật liệu từ điểm bán vật liệu đến nhà là 150.000 đồng, tổng cộng toàn bộ thiệt là 2.905.000 đồng. Trong vụ việc này, do hiện trạng bà sử dụng có nơi không trùng với ranh bản đồ địa chính nên bà có một phần lỗi. Do đó, bà yêu cầu ông Nguyễn Đình A phải bồi thường thiệt hại cho bà một nửa thiệt hại là 1.452.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 500.000 đồng, nhưng bà tự nguyện chịu khoản chi phí này không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn - ông Nguyễn Đình A trình bày:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đình A trình bày: Ông thừa nhận đã hai lần đập trụ hàng rào lưới B40 của bà Đỗ Thị H vì bà Đỗ Thị H trồng trụ bê tông làm hàng rào lấn ra đường đi. Ông đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã X để phản ánh nhưng không thấy cơ quan chức năng giải quyết nên ông đập gãy các trụ rào đó. Tổng trị giá thiệt hại ông thống nhất như bà Đỗ Thị H nêu là 2.905.000 đồng. Tuy nhiên, trong vụ việc này ông không có lỗi nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H. Đối với khoản tiền tạm ứng chi phí đo đạc 656.000 đồng, ông yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X1 đã căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 588 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị H.

Buộc ông Nguyễn Đình A bồi thường cho bà Đỗ Thị H số tiền 1.124.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí: ông Nguyễn Đình A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho bà Đỗ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 008204 ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Kháng cáo:

Ngày 05/12/2018, bị đơn ông Nguyễn Đình A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc nguyên đơn phải trả cho ông tiền tạm ứng chi phí đo đạc là 656.000đ.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện việc thụ lý, phân công Thẩm phán làm chủ tọa giải quyết vụ án, đảm bảo quyền kháng cáo. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về việc thu thập chứng cứ, việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định. Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự , đảm bảo đúng thành phần, vô tư, khách quan và không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng; đồng thời, thủ tục phiên tòa được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo, kháng nghị: Qua các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và qua làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở xác định bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Bị đơn là ông Nguyễn Đình A làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn là bà Đỗ Thị H tại cấp phúc thẩm có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định của pháp luật, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung:

Bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Đình A thống nhất giá trị thiệt hại của hàng rào lưới B40 do ông Nguyễn Đình A đập pháp là 2.905.000 đồng. Do đó, xác định thiệt hại về tài sản của bà Đỗ Thị H là 2.905.000 đồng.

Ông Ánh kháng cáo, không đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà Đỗ Thị H. Ông A cho rằng, bà H đã xây dựng hàng rào lấn ra đường đi, ảnh hưởng đến sinh hoạt của gia đình ông. Ông đã làm đơn khiếu nại lên chính quyền địa phương nhưng không được giải quyết nên đã tự ý đập phá hàng rào và trụ bê tông do bà H xây dựng. Như vậy, việc ông A không đợi cơ quan chức năng giải quyết hành vi lấn chiếm đất công của bà H mà đã tự ý đập phá hàng rào và trụ bê tông do bà H xây dựng là hoàn toàn trái pháp luật, gây thiệt hại về tài sản cho bà Đỗ Thị H.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định, bà H cũng có một phần lỗi khi xây dựng hàng rào lấn ra phần đất công do đó việc bà H chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông A bồi thường một nửa giá trị thiệt hại với số tiền 1.452.000 đồng là phù hợp và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở. Kháng cáo của ông A về vấn đề này không có cơ sở chấp nhận.

Về chi phí tố tụng: Đối với số tiền 500.000 đồng bà Đỗ Thị H nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, bà H tự nguyện chịu phần chi phí này nên đã được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận.

Đối với số tiền 656.000 đồng ông Nguyễn Đình A nộp tạm ứng chi phí đo đạc đất, do mỗi bên đều có phần lỗi như nhau nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Ánh, bà Hiền mỗi người phải chịu một nửa chi phí tố tụng này, số tiền bà Hiền phải chịu là 328.000 đồng được khấu trừ vào số tiền ông A phải bồi thường cho bà H là có cơ sở.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường một nửa thiệt hại về tài sản số tiền 1.452.000 đồng là có sự xem xét, đánh giá chính xác các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và áp dụng đúng quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Đình A kháng cáo nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông A.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Đình A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Ánh đã nộp sẽ được tính trừ vào án phí phải nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đình A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X1.

Căn cứ các Điều 584, 585, 588, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị H.

Buộc ông Nguyễn Đình A bồi thường cho bà Đỗ Thị H số tiền 1.124.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn xin thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí: ông Nguyễn Đình A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông A đã nộp (theo biên lai thu số 003396 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X1) được tính trừ vào án phí phúc thẩm, như vậy ông A đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu số 008204 ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X1).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện X1;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thế Phương